

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH HÀ NAM

Bản án số: 04/2021/HS-ST
 Ngày: 05/02/2021

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Trần Anh Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Huy Sự và ông Lê Văn Hương.

- *Thư ký phiên toà*: Bà Trịnh Thị Minh Nguyệt – Thư ký Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Quyên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 05/02/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 03/2021/TLST - HS ngày 25/01/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2021/QĐXXST – HS ngày 26/01/2021 đối với các bị cáo:

1. Đỗ Văn S, sinh năm 1990; giới tính: Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Thôn T, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam; quốc tịch: Việt Nam, dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; Đảng, đoàn: Không; con ông Đỗ Văn H và bà Trần Thị C; vợ: Đỗ Thị H. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 24/12/2020 đến ngày 01/01/2021; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”. (có mặt)

2. Tạ Văn Đ, sinh năm 1992; giới tính: Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Thôn x, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa giáo; trình độ học vấn: 3/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; Đảng, đoàn: Không; con ông Tạ Văn S và bà Tạ Thị T; vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không. Bị can bị bắt, tạm giữ từ ngày 23/12/2020 đến ngày 01/01/2021; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”. (có mặt)

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Anh Trần Đức H, sinh năm 1985; nơi cư trú: Thôn C, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam. (vắng mặt)

*** Người làm chứng:** Anh Nguyễn Văn H, anh Tạ Văn T và anh Đỗ Văn H1.
(có mặt anh T, anh H; vắng mặt anh H1)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vì muốn có pháo nổ để sử dụng trong dịp Tết Nguyên đán Tân Sửu năm 2021, ngày 17/12/2020 bị cáo Đỗ Văn S sử dụng tài khoản mạng xã hội facebook để tìm kiếm mua pháo nổ và thấy tài khoản facebook “*Bá Lê Tư*” đăng bán pháo nổ loại giàn 36 quả, S đã vào phần bình luận để hỏi mua pháo. Ngày 20/12/2020, tài khoản facebook “*Bá Lê Tư*” bình luận vào tài khoản facebook của Sơn với nội dung “*Anh em nào gần Bình Lục muốn lấy pháo thì liên hệ số điện thoại 0912682963*”. Đến ngày 23/12/2020, S sử dụng số điện thoại 0889581xxx gọi đến số điện thoại 0912682xxx để hỏi mua pháo nổ thì người bán pháo nói giá 01 giàn pháo nổ loại 36 quả là 550.000 đồng, S đồng ý và đặt mua của người này 05 giàn pháo nổ với giá 2.750.000 đồng.

Khoảng 17 giờ ngày 23/12/2020, S sử dụng số điện thoại 0889581xxx gọi đến số điện thoại 0961734xxx của bị cáo Tạ Văn Đ hẹn gặp nhau tại khu vực Nhà văn hóa xóm x, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam. Khi gặp nhau, S nói “*Em có rảnh không, đi lấy hộ anh mấy giàn pháo*”, Đ nói “*Có được gì không*” thì S đưa cho Đ số tiền 3.250.000 đồng nói “*Tiền pháo hết 2.750.000 đồng, còn 500.000 đồng em xem rủ ai đi cùng cầm mà uống nước*”. Đ đồng ý và cầm tiền, S đọc số điện thoại 0912682xxx của người bán pháo cho Đ rồi nói “*Khoảng 18 giờ có mặt ở B là được, khi nào đi qua cầu N thì gọi điện thoại cho nó*”. Khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, Đ điều khiển xe mô tô BKS 90B1-577.xx đi từ nhà ở đến địa bàn huyện B để lấy pháo cho S. Khi đi qua cầu N đến địa bàn huyện B, Đ gọi điện thoại cho người bán pháo thì người đó bảo Đ đi đến khu vực cây xăng thuộc địa bàn thôn Đội x, xã N, huyện B, tỉnh Hà Nam. Khi đến nơi, có 01 người đàn ông khoảng 30 tuổi, dáng người cao gầy, đeo khẩu trang điều khiển xe mô tô (Đ không nhớ biển kiểm soát và đặc điểm của xe) đi đến bảo Đ đi theo. Đi được một đoạn, người đàn ông dừng xe và bảo Đ đưa tiền, Đ nói “*Phải cho xem pháo đã*” thì người đó cho Đ xem 05 giàn pháo trong 01 thùng cát tông đặt cạnh bờ tường gần vị trí dừng xe. Sau khi xem pháo, Đ đưa số tiền 2.750.000 đồng thì người đó cầm tiền rồi điều khiển xe mô tô rời đi. Đ đặt thùng pháo nổ lên xe mô tô BKS 90B1-577.xx để đi về thì bị Lực lượng Công an huyện B phối hợp cùng Công an xã N tuần tra, phát hiện, bắt quả tang, thu giữ vật chứng và tạm giữ các đồ vật, tài sản liên quan.

Đỗ Văn S không biết hành vi vận chuyển pháo nổ của Tạ Văn Đ đã bị lực lượng Công an phát hiện, bắt quả tang nên khoảng 2 giờ 30 phút ngày 24/12/2020, S điều khiển xe mô tô BKS 90B2-587.xx đi đến nhà Đ để lấy pháo. Trên cơ sở lời khai của Tạ Văn Đ, kết quả làm việc, đấu tranh ban đầu đối với Đỗ Văn S, Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã thi hành Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp, ra Quyết định tạm giữ, Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Đỗ Văn S.

Ngay sau khi bắt, Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Tạ Văn Đ và Đỗ Văn S nhưng không thu giữ được đồ vật, tài liệu gì liên quan đến vụ án.

Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã quyết định trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định giám định pháo nổ đối với 05 vật hình khối hộp cùng loại màu đỏ vàng thu giữ của Tạ Văn Đ, được niêm phong trong thùng cát tông màu đỏ có chữ nước ngoài màu vàng ký hiệu A. Tại Bản kết luận giám định số 1360/KTHS ngày 25/12/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định kết luận: “*Mẫu ký hiệu A là pháo, có đặc tính của pháo nổ (chứa thuốc pháo và khi đốt có gây tiếng nổ), tổng khối lượng là 6,737kg (Sáu phẩy bảy trăm ba mươi bảy kilôgam)*”.

Tại Cáo trạng số 03/CT- VKS - TA ngày 25/01/2021; Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam đã truy tố Đỗ Văn S, Tạ Văn Đ về tội “*Vận chuyển hàng cấm*”.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam đã đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 1 và khoản 4 Điều 191, các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65, các khoản 2 và 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; các điểm a, b khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tuyên các bị cáo Đỗ Văn S, Tạ Văn Đ phạm tội “*Vận chuyển hàng cấm*”. Xử phạt bị cáo S từ 01 năm tù đến 01 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng. Xử phạt bị cáo Đ từ 09 tháng tù đến 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm. Phạt bổ sung mỗi bị cáo từ 01 đến 02 triệu đồng sung ngân sách nhà nước. Tịch thu tiêu hủy số pháo nổ còn lại sau giám định và 02 sim điện thoại di động có số 0961734xxx, 0889581xxx. Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung, 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 6S và 500.000 đồng. Trả lại anh Trần Đức H 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 150 và 02 sim điện thoại có số 0364461xxx, 0946185xxx lắp bên trong máy.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi vận chuyển pháo nổ như nội dung vụ án đã nêu ở trên; các bị cáo nhận thức rõ việc làm của mình là vi phạm pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, cho các bị cáo được cải tạo ở ngoài xã hội để có điều kiện chăm lo cho gia đình.

Tại phiên tòa anh T trình bày: Xe mô tô BKS 90B1-577.xx là của anh; khi bị cáo Đ sử dụng xe để vận chuyển pháo nổ anh không biết; anh đã nhận lại xe và không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự.

Tại phiên tòa anh H trình bày: Xe mô tô BKS 90B2-587.xx là của anh; khi bị cáo S sử dụng xe với mục đích vận chuyển pháo nổ anh không biết; anh đã nhận lại xe và không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về các quyết định tố tụng của Cơ quan CSĐT Công an huyện B; Viện kiểm sát nhân dân huyện B và hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại gì về quyết định tố tụng, hành vi tố tụng.

[2] Về tội danh: Hành vi nhờ bị cáo Tạ Văn Đ vận chuyển 6,737 kilôgam pháo nổ với 500.000 đồng tiền công của bị cáo Đỗ Văn S và hành vi vận chuyển 6,737 kilôgam pháo nổ cho bị cáo Đỗ Văn S và nhận 500.000 đồng tiền công của bị cáo Tạ Văn Đ; các hành vi này của các bị cáo đã phạm tội “*Vận chuyển hàng cấm*” được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 191 Bộ luật Hình sự.

[3] Về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo được hưởng các tình tiết “*Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*”, “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” và “*là lao động chính trong gia đình, hoàn cảnh gia đình khó khăn*” được quy định tại các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

[4] Về hình phạt:

- Đánh giá vai trò đồng phạm: Trong vụ án, các bị cáo đồng phạm giản đơn. Bị cáo S là người đưa tiền, nhờ bị cáo Đ đi lấy hộ pháo nổ nên giữ vai trò thứ nhất; bị cáo Đ do nể nang và hám lợi, trực tiếp đi vận chuyển pháo nổ nên giữ vai trò thứ hai.

- Về hình phạt: Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội; xâm phạm quy định về vận chuyển pháo nổ do vậy cần phải xử lý nghiêm các bị cáo để phòng ngừa chung cho xã hội nhất trong dịp Tết Nguyên đán đang đến gần, đồng thời cũng là giáo dục riêng đối với các bị cáo. Tuy nhiên xét thấy, khối lượng pháo nổ các bị cáo vận chuyển không lớn; các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã khai báo thành khẩn và ăn năn hối cải, nhận thức rõ việc làm của mình là vi phạm pháp luật; các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng và hoàn cảnh gia đình khó khăn có sự xác nhận của chính quyền địa phương; do vậy Hội đồng xét xử thấy chỉ cần áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo cũng đủ sức răn đe, giáo dục cải tạo đối với các bị cáo.

Khi quyết định mức hình phạt, Hội đồng xét xử cũng xem xét đến vai trò, hoàn cảnh gia đình và nhân thân của các bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo có sức khỏe, có việc làm cho thu nhập nên Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Về vật chứng của vụ án: Đối với 05 giàn pháo hình khối hộp là vật cấm tàng trữ, lưu hành; 02 sim điện thoại di động có số 0961734xxx và 0889581xxx là vật không có giá trị sử dụng; nên tịch thu tiêu hủy. Đối với 01 điện thoại di động Iphone 6S thu giữ của bị cáo S, 01 điện thoại di động Samsung Galaxy

A7 thu giữ của bị cáo Đ; là vật các bị cáo dùng để liên lạc trong việc vận chuyển pháo nổ; 500.000 đồng thu giữ của bị cáo Đ là tiền do phạm tội mà có; do vậy tịch thu sung ngân sách nhà nước. Đối với 01 điện thoại Nokia 150, bên trong lắp 02 sim điện thoại là 0364461xxx và 0946185xxx tạm giữ của anh Trần Đức H do không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên trả lại cho anh H chiếc điện thoại cùng sim.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu theo quy định.

[8] Các tình tiết khác liên quan đến vụ án: Về nguồn gốc số pháo nổ đã thu giữ và đối tượng đã bán pháo nổ; Đỗ Văn S khai nhận đặt mua 05 dàn pháo nổ của một người có tài khoản facebook “*Bá Lê Tư*” và có số điện thoại 0912682xxx. Tạ Văn Đ trực tiếp lấy pháo từ một người đàn ông khoảng 30 tuổi, dáng người cao gầy, đeo khẩu trang, Đ không nhớ rõ biển kiểm soát và đặc điểm xe mô tô của người này. Quá trình điều tra xác định được người đăng ký sử dụng số điện thoại 0912682xxx là Nguyễn Linh G - sinh ngày 05/01/2002, trú tại thôn C, xã C, huyện G, thành phố Hà Nội. Qua xác minh, đại diện chính quyền địa phương cung cấp trên địa bàn thôn C, xã C, huyện G, thành phố Hà Nội không có người nào có lai lịch, tên tuổi như trên. Ngoài lời khai của S và Đ, tài liệu điều tra có trong hồ sơ vụ án không đủ căn cứ để xác định được nguồn gốc số pháo nổ và đối tượng có liên quan để xử lý.

Tài liệu điều tra xác định, khoảng 21 giờ ngày 23/12/2020, trong quá trình làm việc tại Công ty H, S có nói với Nguyễn Văn H1, sinh năm 1992, trú tại xóm x, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam về việc S nhờ Đ đi lấy pháo nổ, nhưng H không nghe thấy nội dung câu nói của S nên không biết hành vi phạm tội của S và Đ. Tại các lời khai ban đầu, Sơn khai nhận Trần Đức H, sinh năm 1985; trú tại thôn C, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam đã đưa 3.250.000 đồng nhờ S đi lấy hộ pháo nổ, sau đó S đưa toàn bộ số tiền đó cho Đ nhờ đi lấy hộ pháo nổ. Tuy nhiên quá trình điều tra vụ án cũng như tại phiên tòa, S đã thay đổi lời khai về H; các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ không đủ căn cứ xác định liên quan đến hành vi phạm tội của S và Đ. Do vậy không có căn cứ để xem xét, xử lý đối với Nguyễn Văn H1 và Trần Đức H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm c khoản 1 và khoản 4 Điều 191, các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65, các khoản 2 và 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự.

Áp dụng các điểm a, b khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

1. Tuyên bố các bị cáo Đỗ Văn S và Tạ Văn Đ phạm tội “*Vận chuyển hàng cấm*”.

2. - Xử phạt bị cáo Đỗ Văn S 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm kể từ ngày tuyên án (05/02/2021).

- Xử phạt bị cáo Tạ Văn Đ 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng kể từ ngày tuyên án (05/02/2021).

Giao các bị cáo Đỗ Văn S và Tạ Văn Đ cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam giám sát, giáo dục. Trong thời gian thử thách của án treo; các bị cáo phải thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 87 Luật Thi hành án hình sự. Nếu các bị cáo vắng mặt tại nơi cư trú hoặc thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách của án treo nếu các bị cáo vi phạm nghĩa vụ của người được hưởng án treo thì bị xử lý theo quy định tại Điều 93 Luật Thi hành án hình sự.

3. Về hình phạt bổ sung: Phạt tiền sung ngân sách Nhà nước đối với các bị cáo Đỗ Văn S, Tạ Văn Đ, mỗi bị cáo 1.000.000 đồng. Các bị cáo có nghĩa vụ nộp tiền phạt tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Hà Nam.

4. Về vật chứng: Tịch thu tiêu huỷ số pháo còn lại sau giám định đã được niêm phong và 02 sim điện thoại di động có số 0961734xxx và 0889581xxx. Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung, 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 6S và 500.000 đồng. Trả lại anh Trần Đức H 01 điện thoại Nokia 150, bên trong lắp 02 sim điện thoại là 0364461xxx và 0946185xxx.

Các vật chứng được xác định theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/01/2021 giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện B, tỉnh Hà Nam và Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Hà Nam cùng Ủy nhiệm chỉ ngày 25/01/2021 của Cơ quan CSĐT Công an huyện B, tỉnh Hà Nam.

5. Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Đỗ Văn S, Tạ Văn Đ; mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng.

Án xử công khai; báo cho các bị cáo biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo cho anh H biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện B;
- Công an huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã C, huyện L;
- Các bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ và văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Đặng Trần Anh Dũng

(đã ký)